TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày 06 - 02 - 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và bà Doãn Thị Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2017/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - DS ngày 11/01/ 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 26/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính T.

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, Số x, đường Đ, phường xx, quận x, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990 (Theo các văn bản ủy quyền số: 14/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017 và số: 145/UQTT- QTRR.17 ngày 20/9/2017)

Địa chỉ: Số xx đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ x, đường L, phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2017 của nguyên đơn, những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính T là Bà Lê Thị H trình bày: Ngày 24/4/2015, chị Nguyễn Thị Lan P có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Công ty tài chính T để vay số tiền 47.475.000đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Ngày 08/5/2015, Công ty tài chính T đã đồng ý cho chị P vay 45.000.000đồng vay tiêu dùng cá nhân và 2.475.000đồng tiền đóng phí bảo

hiểm, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa Công ty tài chính T và chị P thì lãi suất của khoản vay trên là 2,92%/tháng, trả nợ theo phương thức trả chậm trong vòng 36 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 77.302.000đồng, cụ thể trong trong 35 tháng đầu mỗi tháng chị P phải trả cho Công ty tài chính T số tiền 2.148.000đồng, tháng cuối cùng trả 2.122.000đồng, kỳ thanh toán là vào ngày 08 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 08/6/2015. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị Lan P đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ chị P đã trả cho Công ty tài chính T được 07 lần cho 06 kỳ với tổng số tiền là 12.918.000đồng; trong đó nợ gốc trả 4.927.095đồng và nợ lãi trả 7.990.905đồng. Kể từ ngày 29/01/2016 đến ngày xét xử ngày 06/02/2018, chị P không trả cho Công ty tài chính T thêm bất kỳ khoản nào khác. Theo đơn khởi kiện Công ty tài chính T yêu cầu Tòa án buộc chị P phải hoàn trả ngay toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 08/7/2017 là 61.311.509đồng, (trong đó nợ gốc là 42.547.905đồng và nợ lãi 18.763.604đồng) và trả lãi suất tính từ ngày 09/7/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa Công ty tài chính T yêu cầu chị P phải trả ngay toàn bộ khoản nợ tính đến ngày xét xử 06/02/2018 là 63.795.051đồng (trong đó nợ gốc là 42.547.905đồng và nợ lãi là 21.247.146 đồng). Đối với nghĩa vụ chậm thanh toán của chị P, Công ty tài chính T tự nguyện đề nghị Tòa án tính theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 mà không tính theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan P tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải chị P trình bày: Chị P xác nhận ngày 24/4/2015 chị có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Công ty tài chính T, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay, phương thức thanh toán, số tiền chị đã thanh toán, ngày chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ và số tiền chị còn nợ đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay Công ty tài chính T khởi kiện yêu cầu chị phải trả nợ số tiền tính đến ngày 08/7/2017 là 61.311.509đồng, (trong đó nợ gốc là 42.547.905 đồng và tiền lãi là 18.763.604 đồng) và Công ty tài chính T yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng từ ngày 09/7/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử chị hoàn toàn nhất trí trả cho Công ty tài chính T. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, nên chị đề nghị Công ty tài chính T cho chị trả nợ dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi chị thanh toán hết số nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; các điều 463, 466, 468, 470, 357, khoản 2 Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Tài chính T. Chị Nguyễn Thị Lan P phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty tài chính T tổng số tiền là 63.795.051đồng, (trong đó nợ gốc là 42.547.905 đồng và nợ lãi là 21.247.146 đồng); về nghĩa vụ chậm thanh toán của của chị P, đề nghị Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Lan P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Tài chính T là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, được thực hiện các hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn ... theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 24 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty Công ty tài chính T- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với chị Nguyễn Thị Lan P có địa chỉ tại tổ x, phường H, thị xã P đã ký kết Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số: 20150507-802009-xxxx, về việc Công ty tài chính T cho chị P vay số tiền 47.475.000 đồng, với mục đích tiêu dùng. Do chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Công ty tài chính T đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Toà tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 24 tháng 4 năm 2015 nguyên đơn với bị đơn đã ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số: 20150507-802009-xxxx và ngày 08/5/2015 được nguyên đơn đồng ý phê duyệt, khoản vay; số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 47.475.000đồng, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay ngày 08/5/2015, lãi suất vay là 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng, phương thức thanh toán là ngày 08 hàng tháng, trong 35 tháng đầu mỗi tháng chị P phải trả cho Công ty tài chính T số tiền 2.148.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.122.000 đồng. Bị đơn chị P đã trả cho Công ty tài chính T được 07 lần tương ứng với 06 kỳ thanh toán với tổng số tiền đã trả là 12.918.000 đồng, (trong đó tiền gốc là 4.927.095 đồng lãi 7.990.905 đồng). Kể từ ngày 29/01/2016 đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, tính đến ngày xét xử 06 tháng 02 năm 2018 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là là 63.795.051 đồng (trong đó nợ gốc là 42.547.905 đồng và nợ lãi là 21.247.146 đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là sự thật khách quan, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu, nhưng bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý, mà yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn nợ. Nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh lãi suất đối với nghĩa vụ chậm thanh toán của bị đơn theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền là 63.795.051 đồng, (trong đó nợ gốc là 42.547.905 đồng và nợ lãi là 21.247.146 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 63.795.051 đồng x 5% = 3.190.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; các điều 463, 466, 468, 470, 357, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Buộc chị Nguyễn Thị Lan P có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Tài chính T tổng số tiền là 63.795.051 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn không trăm năm mốt đồng), trong đó nợ gốc là 42.547.905 đồng và nợ lãi là 21.247.146 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty Tài chính T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.530.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003291 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Tài chính T có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Nguyễn Thị Lan P chưa thanh toán được số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lưu Thị Thúy